ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Biểu 20

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học năm học 2019-2020
(Tính đến tháng 6 năm 2020)

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
	Khối ngành I					
	NGÀNH SƯ PHẠM TOÁN HỌC					
1	Bùi Thế Hùng	1980	Nam	GV	TS	Toán học
2	Bùi Thị Hạnh Lâm	1980	Nữ	PGS, GVCC	TS	Toán học
3	Cao Thị Hà	1971	Nữ	PGS, GVCC	TS	Toán học
4	Đỗ Thị Trinh	1977	Nữ	GVC	TS	Toán học
5	Giáp Văn Sự	1989	Nam	GV	Th.S	Toán học
6	Hoàng Ngọc Yến	1991	Nữ	GV	Th.S	Toán học
7	Lê Quang Ninh	1983	Nam	GV	TS	Toán học
8	Nguyễn Thị Ánh Hằng	1991	Nữ	GV	Th.S	Toán học
9	Nguyễn Thị Tuyết Mai	1969	Nữ	GVC	TS	Toán học
10	Nguyễn Văn Ninh	1987	Nam	GV	Th.S	Toán học
11	Nguyễn Văn Thìn	1988	Nam	GV	TS	Toán học
12	Nông Quỳnh Vân	1985	Nữ	GV	TS	Toán học
13	Phạm Thị Thủy	1972	Nữ	GV	TS	Toán học
14	Phan Thị Phương Thảo	1977	Nữ	GV	ThS	Toán học
15	Trần Đình Hùng	1984	Nam	GV	TS	Toán học
16	Trần Huệ Minh	1977	Nữ	GVC	TS	Toán học
17	Trần Nguyên An	1981	Nam	GVC	TS	Toán học
18	Trần Thị Hồng Minh	1987	Nữ	GV	Th.S	Toán học
19	Trần Việt Cường	1982	Nam	PGS, GVCC	TS	Toán học
20	Trịnh Thị Diệp Linh	1977	Nữ	GVC	TS	Toán học
21	Trịnh Thị Phương Thảo	1984	Nữ	PGS, GVCC	TS	Toán học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
	NGÀNH SƯ PHẠM TIN HỌC					
22	Cáp Thanh Tùng	1963	Nam	GVC	Th.S	Tin học
23	Đoàn Thị Minh Thái	1981	Nữ	GV	Th.S	Tin học
24	Lê Bích Liên	1982	Nữ	GV	Th.S	Tin học
25	Ngô Thị Tú Quyên	1978	Nữ	GVC	TS	Tin học
26	Nguyễn Thị Thu Hiền	1983	Nữ	GV	Th.S	Tin học
27	Nguyễn Văn Trường	1978	Nam	GV	Th.S	Tin học
28	Phạm Văn Tiến	1969	Nam	GV	Th.S	Tin học
29	Trần Ngọc Hà	1984	Nam	GVC	TS	Tin học
30	Triệu Hải Long	1988	Nam	GV	Th.S	Tin học
31	Vũ Đức Quang	1991	Nam	GV	Th.S	Tin học
	NGÀNH SƯ PHẠM VẬT LÝ					
32	Chu Việt Hà	1982	Nữ	GVCC	TS	Vật lý
33	Đặng Thị Hương	1985	Nữ	GV	Th.S	Vật lý
34	Đỗ Thị Huế	1987	Nữ	GV	TS	Vật lý
35	Dương Thị Hà	1988	Nữ	GV	ThS	Vật lý
36	Giáp Thị Thùy Trang	1987	Nữ	GV	ThS	Vật lý
37	Khúc Hùng Việt	1985	Nam	GV	ThS	Vật lý
38	Lã Quý Hoãn	1980	Nam	GV	TS	Vật lý
39	Lê Thị Hồng Gấm	1983	Nữ	GV	ThS	Vật lý
40	Nguyễn Thị Minh Thủy	1981	Nữ	GVC	TS	Vật lý
41	Phạm Mai An	1975	Nam	GV	TS	Vật lý
42	Vương Thị Kim Yến	1965	Nữ	GV	ThS	Vật lý
43	Nguyễn Minh Tân	1958	Nam	GVC	TS	Vật lý (Thỉnh giảng)
	NGÀNH SƯ PHẠM SINH HỌC					
44	Bành Thị Mai Anh	1987	Nữ	GV	ThS	Sinh học
45	Cao Thị Phương Thảo	1969	Nữ	GV	CN	Sinh học
46	Chu Hoàng Mậu	1958	Nam	GS, GVCC	TS	Sinh học
47	Hoàng Phú Hiệp	1984	Nam	GVC	TS	Sinh học
48	Hoàng Thanh Tâm	1989	Nữ	GV	ThS	Sinh học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
49	Hoàng Văn Ngọc	1976	Nam	PGS, GVCC	TS	Sinh học
50	Lê Phương Dung	1985	Nữ	GV	TS	Sinh học
51	Nguyễn Đức Hùng	1986	Nam	GV	TS	Sinh học
52	Nguyễn Thị Hằng	1976	Nữ	GVC	TS	Sinh học
53	Nguyễn Thị Ngọc Lan	1979	Nữ	GVC	TS	Sinh học
54	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	1989	Nữ	GV	ThS	Sinh học
55	Nguyễn Thị Tâm	1966	Nữ	PGS, GVCC	TS	Sinh học
56	Nguyễn Viết Thắng	1983	Nam	GV	TS	Sinh học
57	Nguyễn Vũ Bão	1989	Nam	GV	ThS	Sinh học
58	Phạm Thị Hồng Tú	1973	Nữ	GVC	TS	Sinh học
59	Phạm Thị Thanh Nhàn	1982	Nữ	GVC	TS	Sinh học
60	Vũ Thị Thu Thủy	1975	Nữ	PGS, GVCC	TS	Sinh học
61	Lê Ngọc Công	1956	Nam	PGS, GVCC	TS	Sinh học (Thỉnh giảng)
	NGÀNH SƯ PHẠM HÓA HỌC					
62	Chu Mạnh Nhương	1983	Nam	GVC	TS	Hóa học
63	Đinh Thúy Vân	1987	Nữ	GV	TS	Hóa học
64	Đỗ Trà Hương	1969	Nữ	PGS, GVCC	TS	Hóa học
65	Dương Ngọc Toàn	1983	Nam	GVC	TS	Hóa học
66	Dương Thị Tú Anh	1970	Nữ	PGS, GVCC	TS	Hóa học
67	Mai Thanh Nga	1978	Nữ	GVC	TS	Hóa học
68	Ngô Thị Mai Việt	1979	Nữ	PGS, GVCC	TS	Hóa học
69	Nguyễn Quốc Dũng	1982	Nam	GVC	TS	Hóa học
70	Nguyễn Thị Hân	1984	Nữ	GV	Th.S	Hóa học
71	Nguyễn Thị Hiền Lan	1972	Nữ	PGS, GVCC	TS	Hóa học
72	Nguyễn Thị Thanh Hương	1972	Nữ	GVC	TS	Hóa học
73	Phạm Hồng Chuyên	1978	Nữ	GV	Th.S	Hóa học
74	Phạm Thị Hà Thanh	1976	Nữ	GVC	TS	Hóa học
75	Phạm Văn Khang	1982	Nam	PGS,GVCC	TS	Hóa học
76	Trần Quốc Toàn	1984	Nam	GV	TS	Hóa học
77	Vũ Thị Hậu	1976	Nữ	GVC	TS	Hóa học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
78	Vũ Văn Nhượng	1982	Nam	GVC	TS	Hóa học
	NGÀNH SƯ PHẠM LỊCH SỬ					
79	Hà Thị Thu Thủy	1975	Nữ	PGS, GVCC	TS	Lịch sử
80	Nghiêm Thị Hải Yến	1974	Nữ	GVC	TS	Lịch sử
81	Đỗ Hồng Thái	1962	Nam	PGS,GVCC	TS	Lịch sử
82	Nguyễn Thị Quế Loan	1971	Nữ	PGS, GVCC	TS	Lịch sử
83	Nguyễn Thị Hải	1983	Nữ	GV	Th.S	Lịch sử
84	Âu Sơn Hưng	1986	Nam	GV	Th.S	Lịch sử
85	Kim Ngọc Thu Trang	1982	Nữ	GV	TS	Lịch sử
86	Hoàng Xuân Trường	1987	Nam	GV	TS	Lịch sử
87	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	1982	Nữ	GVC	TS	Lịch sử
88	Nguyễn Văn Quyết	1986	Nam	GV	Th.S	Lịch sử
89	Mai Văn Nam	1986	Nam	GV	TS	Lịch sử
90	Lê Thị Thu Hương	1969	Nữ	GVC	Th.S	Lịch sử
91	Hoàng Thị Trà My	1985	Nữ	GV	Th.S	Lịch sử
92	Lê Thị Thu Hương	1984	Nữ	GVC	TS	Lịch sử
93	Nguyễn Thị Hòa	1990	Nữ	GV	Th.S	Lịch sử
94	Nguyễn Thị Trang	1991	Nữ	GV	Th.S	Lịch sử
95	Nguyễn Đức Thắng	1984	Nam	GVC	TS	Lịch sử
96	Nguyễn Khánh Như	1986	Nữ	GV	TS	Lịch sử
97	Đàm Thị Uyên	1969	Nữ	GVCC	TS	Lịch sử (Thỉnh giảng)
	NGÀNH SƯ PHẠM ĐỊA LÝ					
98	Dương Quỳnh Phương	1974	Nữ	PGS, GVCC	TS	Địa lý
99	Hoàng Thanh Vân	1984	Nữ	GV	TS	Địa lý
100	Đào Duy Minh	1987	Nam	GV	Th.S	Địa lý
101	Trần Đức Văn	1982	Nam	GV	Th.S	Địa lý
102	Phạm Hương Giang	1984	Nữ	GVC	TS	Địa lý
103	Vũ Vân Anh	1982	Nữ	GVC	TS	Địa lý
104	Nguyễn Phương Liên	1975	Nữ	GVCC	TS	Địa lý
105	Đỗ Văn Hảo	1968	Nam	GVC	TS	Địa lý

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
106	Nguyễn Thị Thu Hà	1977	Nữ	GV	Th.S	Địa lý
107	Nguyễn Thanh Mai	1989	Nữ	GV	Th.S	Địa lý
108	Nghiêm Văn Long	1991	Nam	GV	Th.S	Địa lý
109	Nguyễn Thị Nhâm	1990	Nữ	GV	Th.S	Địa lý
110	Lê Thị Nguyệt	1983	Nữ	GVC	TS	Địa lý
111	Phạm Thu Thủy	1983	Nữ	GV	TS	Địa lý
112	Đỗ Vũ Sơn	1964	Nam	GVC	TS	Địa lý
113	Nguyễn Thị Huyền	1990	Nữ	GV	Th.S	Địa lý
114	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	1975	Nữ	GVC	TS	Địa lý
115	Nguyễn Văn Sơn	1984	Nam	GV	Th.S	Địa lý
116	Phạm Tất Thành	1984	Nam	GV	Th.S	Địa lý
117	Trần Viết Khanh	1962	Nam	GVCC	TS	Địa lý (Thỉnh giảng)
118	Nguyễn Xuân Trường	1970	Nam	GVCC	TS	Địa lý (Thỉnh giảng)
	NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ					
119	Cao Thùy Linh	1991	Nữ	GV	Th.S	GD Chính trị
120	Đoàn Thị Hồng Nhung	1992	Nữ	GV	Th.S	GD Chính trị
121	Đồng Văn Quân	1962	Nam	GVCC	TS	GD Chính trị
122	Hoàng Thu Thủy	1981	Nữ	GVC	TS	GD Chính trị
123	Lý Trung Thành	1976	Nam	GV	Th.S	GD Chính trị
124	Ngô Thị Lan Anh	1982	Nữ	GVC	TS	GD Chính trị
125	Nguyễn Thị Hạnh	1988	Nữ	GV	Th.S	GD Chính trị
126	Nguyễn Thị Hường	1975	Nữ	GVC	TS	GD Chính trị
127	Nguyễn Thị Khương	1978	Nữ	GVC	TS	GD Chính trị
128	Nguyễn Thị Mão	1974	Nữ	GV	Th.S	GD Chính trị
129	Nguyễn Thị Thanh Hà	1981	Nữ	GV	TS	GD Chính trị
130	Nguyễn Thị Thu Hiền	1982	Nữ	GV	Th.S	GD Chính trị
131	Phạm Thị Huyền	1979	Nữ	GVC	TS	GD Chính trị
132	Trần Thanh An	1990	Nữ	GV	Th.S	GD Chính trị
133	Trần Thị Hằng	1989	Nữ	GV	Th.S	GD Chính trị
134	Trần Thị Lan	1979	Nữ	GV	TS	GD Chính trị

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
135	Vũ Minh Tuyên	1960	Nam	GVC	TS	GD Chính trị
136	Vũ Thị Thủy	1979	Nữ	GVC	TS	GD Chính trị
137	Vũ Thúy Hằng	1986	Nữ	GV	TS	GD Chính trị
138	Nguyễn Hữu Toàn	1979	Nam	GVC	TS	GD Chính trị (Thỉnh giảng)
	NGÀNH SƯ PHẠM NGỮ VĂN					
139	Cao Thị Hảo	1976	Nữ	PGS, GVCC	TS	Ngữ văn
140	Dương Thu Hằng	1978	Nữ	PGS, GVCC	TS	Ngữ văn
141	Hồ Thị Phương Trang	1987	Nữ	GV	Th.S	Ngữ văn
142	Hoàng Thị Thập	1966	Nữ	GVC	TS	Ngữ văn
143	Lương Thị Hải Vân	1984	Nữ	GV	TS	Ngữ văn
144	Lưu Thu Trang	1989	Nữ	GV	Th.S	Ngữ văn
145	Ngô Thị Thanh Nga	1977	Nữ	GVC	TS	Ngữ văn
146	Ngô Thị Thanh Quý	1973	Nữ	PGS, GVCC	TS	Ngữ văn
147	Ngô Thu Thủy	1983	Nữ	GVC	TS	Ngữ văn
148	Nguyễn Diệu Thương	1986	Nữ	GV	Th.S	Ngữ văn
149	Nguyễn Hồng Linh	1990	Nữ	GV	Th.S	Ngữ văn
150	Nguyễn Thị Cẩm Anh	1987	Nữ	GV	Th.S	Ngữ văn
151	Nguyễn Thị Hạnh Phương	1976	Nữ	GVC	TS	Ngữ văn
152	Nguyễn Thị Kiều Hương	1987	Nữ	GV	Th.S	Ngữ văn
153	Nguyễn Thị Minh Thu	1981	Nữ	PGS, GVCC	TS	Ngữ văn
154	Nguyễn Thị Thu Thủy	1974	Nữ	PGS, GVCC	TS	Ngữ văn
155	Nguyễn Thu Quỳnh	1983	Nữ	GVC	TS	Ngữ văn
156	Nguyễn Văn Trung	1989	Nam	GV	Th.S	Ngữ văn
157	Nông Thị Quỳnh Trâm	1982	Nữ	GV	Th.S	Ngữ văn
158	Trần Thị Ngọc Anh	1981	Nữ	GVC	TS	Ngữ văn
159	Trần Thị Nhung	1986	Nữ	GV	TS	Ngữ văn
	NGÀNH SƯ PHẠM GIÁO DỤC HỌC					
160	Hà Thị Kim Linh	1978	Nữ	GVC	TS	Giáo dục học
161	Hoàng Trung Thắng	1978	Nam	GV	Th.S	Giáo dục học
162	Lê Như Hoa	1988	Nữ	GV	Th.S	Giáo dục học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
163	Lê Thùy Linh	1981	Nữ	GVC	TS	Giáo dục học
164	Ngô Giang Nam	1978	Nam	CVC	TS	Giáo dục học
165	Nguyễn Thanh Tú	1985	Nam	GV	Th.S	Giáo dục học
166	Nguyễn Thị Thanh Huyền	1977	Nữ	PGS, GVCC	TS	Giáo dục học
167	Nguyễn Thị Tính	1964	Nữ	PGS, GVCC	TS	Giáo dục học
168	Đỗ Lệ Hà	1980	Nữ	GV	TS	Giáo dục học (Thỉnh giảng)
169	Hà Quang Tiến	1979	Nam	PGS, GVCC	TS	Giáo dục học (Thỉnh giảng)
	NGÀNH SƯ PHẠM QUẢN LÝ GIÁO DỤC					
170	Đặng Thị Phương Thảo	1984	Nữ	GV	Th.S	Quản lý giáo dục
171	Lê Hồng Sơn	1981	Nam	GV	Th.S	Quản lý giáo dục
172	Nguyễn Ngọc Hiếu	1981	Nam	GV	Th.S	Quản lý giáo dục
173	Nguyễn Tất Thắng	1966	Nam	GVC	TS	Quản lý giáo dục (Thỉnh giảng)
174	Phạm Đăng Tứ	1982	Nam	GVC	TS	Quản lý giáo dục (Thỉnh giảng)
175	Phạm Hồng Quang	1964	Nam	GS, GVCC	TS	Quản lý giáo dục (Thỉnh giảng)
176	Phạm Văn Hùng	1962	Nam	GVC	TS	Quản lý giáo dục (Thỉnh giảng)
177	Trần Hoàng Tinh	1976	Nam	GVC	TS	Quản lý giáo dục (Thỉnh giảng)
178	Hà Văn Chiến	1962	Nam	GVC	TS	Quản lý giáo dục (Thỉnh giảng)
179	Nguyễn Đình Yên	1980	Nam	GVC	TS	Quản lý giáo dục (Thỉnh giảng)
	NGÀNH SƯ PHẠM TÂM LÝ HỌC GIÁO DỤC					
180	Đàm Thị Kim Thu	1989	Nữ	GV	Th.S	Tâm lý học GD
181	Đầu Thị Thu	1966	Nữ	GVC	Th.S	Tâm lý học GD
182	Lê Thị Phương Hoa	1976	Nữ	GVC	TS	Tâm lý học GD
183	Nguyễn Đỗ Hồng Nhung	1990	Nữ	GV	Th.S	Tâm lý học GD
184	Nguyễn Thị Ngọc	1982	Nữ	GVC	TS	Tâm lý học GD
185	Phí Thị Hiếu	1978	Nữ	PGS, GVCC	TS	Tâm lý học GD
186	Phùng Thị Hằng	1962	Nữ	PGS, GVCC	TS	Tâm lý học GD
	NGÀNH SƯ PHẠM GIÁO DỤC MẦM NON					
187	Bùi Đức Nguyên	1977	Nam	PGS, GVCC	TS	GD Mầm non
188	Cao Thị Thu Hoài	1985	Nữ	GVC	TS	GD Mầm non
189	Đào Thị Hồng Hạnh	1988	Nữ	GV	Th.S	GD Mầm non

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
190	Đinh Đức Hợi	1977	Nam	GVC	TS	GD Mầm non
191	Dương Nguyệt Vân	1978	Nữ	GV	TS	GD Mầm non
192	Dương Thị Thúy Vinh	1982	Nữ	GVC	Th.S	GD Mầm non
193	Hà Trần Phương	1971	Nam	PGS, GVCC	TS	GD Mầm non
194	Hoàng Điệp	1976	Nữ	GVC	TS	GD Mầm non
195	Hoàng Thị Tú	1968	Nữ	GVC	Th.S	GD Mầm non
196	Lê Huy Hoàng	1985	Nam	GV	TS	GD Mầm non
197	Lê Thị Hương Giang	1976	Nữ	GV	TS	GD Mầm non
198	Lê Thị Thanh Huệ	1985	Nữ	GV	Th.S	GD Mầm non
199	Lê Thị Thương Thương	1984	Nữ	GV	Th.S	GD Mầm non
200	Lưu Phương Thảo	1978	Nữ	GV	Th.S	GD Mầm non
201	Ngô Huyền Nhung	1982	Nữ	GVC	Th.S	GD Mầm non
202	Ngô Mạnh Dũng	1984	Nam	GV	Th.S	GD Mầm non
203	Nguyễn Danh Nam	1982	Nam	PGS, GVCC	TS	GD Mầm non
204	Nguyễn Hữu Quân	1985	Nam	ThS, GV	TS	GD Mầm non
205	Nguyễn Kiến Thọ	1968	Nam	TS, GV	TS	GD Mầm non
206	Nguyễn Mậu Đức	1983	Nam	ThS, GV	Th.S	GD Mầm non
207	Nguyễn Phúc Chỉnh	1962	Nam	PGS, GVCC	TS	GD Mầm non
208	Nguyễn Thị Bích	1979	Nữ	GVC	TS	GD Mầm non
209	Nguyễn Thị Hà	1978	Nữ	GVC	TS	GD Mầm non
210	Nguyễn Thị Hoa	1985	Nữ	GV	Th.S	GD Mầm non
211	Nguyễn Thị Ngân	1969	Nữ	GVC	TS	GD Mầm non
212	Nguyễn Thị Thu Hà	1968	Nữ	GVC	Th.S	GD Mầm non
213	Nguyễn Thị Thu Ngà	1980	Nữ	GVC	TS	GD Mầm non
214	Nguyễn Thị Út Sáu	1982	Nữ	GVC	TS	GD Mầm non
215	Nguyễn Văn Hồng	1958	Nam	PGS, GVCC	TS	GD Mầm non
216	Phạm Thị Hoài Thu	1978	Nữ	GV	Th.S	GD Mầm non
217	Sỹ Danh Thường	1981	Nam	PGS, GVCC	TS	GD Mầm non
218	Trần Thị Minh Huế	1977	Nữ	GVC	TS	GD Mầm non
219	Trần Thị Ngọc	1989	Nữ	GV	Th.S	GD Mầm non

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
220	Trương Thị Thùy Anh	1989	Nữ	GV	Th.S	GD Mầm non
221	Vũ Thị Phương Thảo	1989	Nữ	GV	Th.S	GD Mầm non
222	Vũ Thị Thủy	1986	Nữ	GVC	Th.S	GD Mầm non
223	Vũ Trọng Lượng	1986	Nam	GV	Th.S	GD Mầm non
	NGÀNH SƯ PHẠM GIÁO DỤC TIỂU HỌC					
224	Đặng Thị Lệ Tâm	1979	Nữ	GVC	TS	GD Tiểu học
225	Đinh Thị Phượng	1966	Nữ	GVC	TS	GD Tiểu học
226	Đỗ Mạnh Hải	1983	Nam	GV	Th.S	GD Tiểu học
227	Đỗ Thị Linh Chi	1981	Nữ	GV	Th.S	GD Tiểu học
228	Đỗ Thùy Chi	1982	Nữ	GVC	TS	GD Tiểu học
229	Dương Thị Lê	1968	Nữ	GV	Th.S	GD Tiểu học
230	Hồ Thủy Ngân	1985	Nữ	GV	Th.S	GD Tiểu học
231	Lâm Thùy Dương	1977	Nữ	GVC	TS	GD Tiểu học
232	Lê Thị Bình	1979	Nữ	GV	Th.S	GD Tiểu học
233	Lê Thị Lệ Thủy	1969	Nữ	GVC	TS	GD Tiểu học
234	Lê Thị Thu Hương	1981	Nữ	GVC	TS	GD Tiểu học
235	Lương Thị Thúy Vân	1978	Nữ	GVC	TS	GD Tiểu học
236	Lý Văn Hoan	1961	Nam	GVC	Th.S	GD Tiểu học
237	Mai Xuân Trường	1973	Nam	PGS, GVCC	TS	GD Tiểu học
238	Ngô Thị Thu Trang	1980	Nữ	GVC	TS	GD Tiểu học
239	Nguyễn Huy Vinh	1996	Nam	GV	CN	GD Tiểu học
240	Nguyễn Mạnh Tiến	1986	Nam	GV	TS	GD Tiểu học
241	Nguyễn Nhật Huy	1987	Nam	GV	Th.S	GD Tiểu học
242	Nguyễn Thanh Bình	1986	Nam	GVC	TS	GD Tiểu học
243	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	1981	Nữ	GV	TS	GD Tiểu học
244	Nguyễn Thị Nhung	1963	Nữ	PGS, GVCC	TS	GD Tiểu học
245	Nguyễn Thị Thu Hà	1983	Nữ	GV	TS	GD Tiểu học
246	Nguyễn Thị Thu Hằng	1982	Nữ	GV	TS	GD Tiểu học
247	Nguyễn Thị Thương Huyền	1966	Nữ	GV	Th.S	GD Tiểu học
248	Nguyễn Thị Tố Loan	1981	Nữ	PGS, GVCC	TS	GD Tiểu học

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
249	Nguyễn Tú Quyên	1980	Nữ	GV	TS	GD Tiểu học
250	Nguyễn Văn Hoàng	1976	Nam	PGS, GVCC	TS	GD Tiểu học
251	Nguyễn Văn Thiều	1980	Nam	GV	Th.S	GD Tiểu học
252	Nông Thị Trang	1980	Nữ	GV	Th.S	GD Tiểu học
253	Ôn Thị Mỹ Linh	1982	Nữ	GVC	TS	GD Tiểu học
254	Phạm Minh Thùy	1978	Nam	GV	Th.S	GD Tiểu học
255	Phạm Thị Thu Hoài	1986	Nữ	GV	Th.S	GD Tiểu học
256	Trần Đỗ Minh Châu	1981	Nữ	GV	TS	GD Tiểu học
257	Trần Ngọc Bích	1978	Nữ	GVC	TS	GD Tiểu học
258	Trần Thị Kim Hoa	1978	Nữ	GV	TS	GD Tiểu học
259	Từ Quang Tân	1979	Nam	GVC	TS	GD Tiểu học
260	Từ Quang Trung	1988	Nam	GV	TS	GD Tiểu học
261	Vũ Thị Hồng Hạnh	1979	Nữ	GVC	TS	GD Tiểu học
262	Phạm Hiến Bằng	1955	Nam	PGS, GVCC	TS	GD Tiểu học (Thỉnh giảng)
	NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG ANH					
263	Đỗ Thị Ngọc Phương	1988	Nữ	GV	Th.S	Tiếng anh
264	Dương Công Đạt	1979	Nam	GVC	TS	Tiếng anh
265	Lê Thị Thu Hương	1982	Nữ	GVC	TS	Tiếng anh
266	Mai Văn Cẩn	1968	Nam	GVC	Th.S	Tiếng anh
267	Ngô Thị Bích Ngọc	1982	Nữ	GV	TS	Tiếng anh
268	Nguyễn Quốc Thủy	1964	Nam	GVC	Th.S	Tiếng anh
269	Nguyễn Thị Đoan Trang	1967	Nữ	GVC	Th.S	Tiếng anh
270	Nguyễn Thị Hạnh Phúc	1981	Nữ	GV	Th.S	Tiếng anh
271	Nguyễn Thị Hồng Chuyên	1981	Nữ	GV	TS	Tiếng anh
272	Nguyễn Thị Hồng Minh	1982	Nữ	GVC	TS	Tiếng anh
273	Nguyễn Thị Thu Hương	1989	Nữ	GV	Th.S	Tiếng anh
274	Phạm Thị Kiều Oanh	1987	Nữ	GV	Th.S	Tiếng anh
275	Phùng Thị Thanh Tú	1978	Nữ	GV	Th.S	Tiếng anh
276	Trần Thị Thảo	1981	Nữ	GV	Th.S	Tiếng anh
277	Trần Thị Yến	1987	Nữ	GV	Th.S	Tiếng anh

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
278	Trần Thị Nam Phương	1993	Nữ	GV	Th.S	Tiếng anh
	NGÀNH SƯ PHẠM GD THỂ CHẤT					
279	Đỗ Ngọc Cương	1980	Nam	GVC	TS	GD Thể chất
280	Nguyễn Văn Dũng	1968	Nam	GVC	Th.S	GD Thể chất
281	Đào Ngọc Anh	1978	Nam	GV	Th.S	GD Thể chất
282	Ma Đức Tuấn	1984	Nam	GV	Th.S	GD Thể chất
283	Nguyễn Thị Hà	1989	Nữ	GVC	Th.S	GD Thể chất
284	Lê Văn Hùng	1990	Nam	GV	Th.S	GD Thể chất
285	Nguyễn Huy Ánh	1987	Nam	GV	Th.S	GD Thể chất
286	Đào T Hoa Quỳnh	1985	Nữ	GV	TS	GD Thể chất
287	Mã Thiêm Phách	1990	Nam	GV	Th.S	GD Thể chất
288	ThS. Trần Thị Tú	1982	Nữ	GVC	TS	GD Thể chất
289	TS. Võ Xuân Thùy	1985	Nam	GV	TS	GD Thể chất
290	ThS. Nguyễn Thành Trung	1980	Nam	GV	Th.S	GD Thể chất
291	ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân	1989	Nữ	GV	Th.S	GD Thể chất
292	ThS.Trần Minh Khương	1976	Nam	GV	Th.S	GD Thể chất
293	ThS. Nguyễn Đức Tuân	1980	Nam	GV	Th.S	GD Thể chất
294	CN. Nguyễn Nhạc	1988	Nam	GV	Th.S	GD Thể chất
295	CN. Nguyễn Đức Trường	1989	Nam	GV	Th.S	GD Thể chất
296	CN. Nguyễn Duy Nam	1988	Nam	GV	Th.S	GD Thể chất
297	ThS. Nguyễn Mạnh Hùng	1979	Nam	GV	TS	GD Thể chất
	NGÀNH SƯ PHẠM KHOA HỌC TỰ NHIÊN					
298	Cao Tiến Khoa	1974	Nam	GVC	TS	Khoa học tự nhiên
299	Ngô Tuấn Ngọc	1980	Nam	GV	Th.S	Khoa học tự nhiên
300	Nguyễn Hồng Lĩnh	1963	Nam	GVC	Th.S	Khoa học tự nhiên
301	Nguyễn Quang Hải	1978	Nam	GV	Th.S	Khoa học tự nhiên
302	Nguyễn Quang Linh	1982	Nam	GV	Th.S	Khoa học tự nhiên
303	Nguyễn Thị Thu Hà	1982	Nữ	GV	Th.S	Khoa học tự nhiên
304	Phạm Hữu Kiên	1980	Nam	PGS, GVCC	TS	Khoa học tự nhiên
305	Phan Đình Quang	1969	Nam	GV	Th.S	Khoa học tự nhiên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
306	Thái Quốc Bảo	1981	Nam	GVC	Th.S	Khoa học tự nhiên
307	Trần Thị Huế	1986	Nữ	GV	TS	Khoa học tự nhiên
	MÔN CHUNG					
308	Đào Huyền Trang	1987	Nữ	GV	Th.S	
309	Dương Thu Trang	1989	Nữ	GV	Th.S	
310	Nguyễn Mai Anh	1987	Nữ	GV	Th.S	
311	Nguyễn Thanh Tiến	1985	Nam	GV	Th.S	
312	Nguyễn Thị Minh Hiền	1981	Nữ	GV	Th.S	
313	Nguyễn Tuấn Anh	1980	Nam	GV	Th.S	
314	Nguyễn Văn Tuyên	1969	Nam	GV	TS	
315	Phạm Văn Cường	1980	Nam	GV	TS	
316	Thái Hữu Linh	1988	Nam	GV	Th.S	
317	Vi Thị Trưng	1969	Nữ	GV	Th.S	
318	Vũ Đình Bắc	1988	Nam	GV	Th.S	

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2020

Người lập biểu
Phó Trưởng phòng HC – TC

Ma Thị Nhung

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

PGS.TS. Mai Xuân Trường